

THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Mạnh Hùng - Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngày nhận bài: 25/05/2018; ngày sửa chữa: 05/06/2018; ngày duyệt đăng: 07/06/2018.

Abstract: The article presents the results of survey on reality of training preschool teachers at national colleges for education. These results are the bases for proposing measures to manage and improve effectiveness of training preschool teachers at national colleges for education in current period with aim to meet demands of human resources at preschools today.

Keywords: Training, preschool teachers, national colleges for education.

1. Mở đầu

Giáo viên mầm non (GVMN) là nguồn nhân lực cơ bản của giáo dục mầm non (GDMN), thực hiện và hoàn thành tốt công việc chăm sóc, giáo dục (GD) trẻ trong các cơ sở GDMN ở bậc học mầm non (MN) trong hệ thống GD quốc dân. GVMN được đào tạo (ĐT) trong các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non (ĐTGVMN) trong đó có các trường cao đẳng (CĐ) sư phạm. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSPTW) là một cơ sở ĐTGVMN ở các trình độ trung cấp, CĐ sư phạm MN.

ĐTGVMN trong các trường CĐ sư phạm là quá trình truyền thụ kiến thức, kỹ năng, nghề nghiệp GDMN, hình thành thái độ cho sinh viên (SV) chiếm lĩnh những kỹ năng nghề nghiệp của GDMN để trở thành GV trong các cơ sở GDMN sau này. ĐTGVMN có các đặc điểm cơ bản thể hiện trong các thành tố của quá trình ĐTGVMN.

Mục tiêu ĐTGVMN trong trường CĐ sư phạm: - Hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp (yêu nghề, tận tụy với công việc, có văn hóa giao tiếp...); - Cung cấp kiến thức GD đại cương, khoa học GDMN; hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình... GDMN; - Hình thành được kỹ năng giao tiếp với trẻ, tìm hiểu đánh giá mức độ phát triển của trẻ, lập kế hoạch GD trẻ em...; - Hình thành thái độ: tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, thái độ tốt với trẻ và nghề; ý thức vận dụng sáng tạo kiến thức và kỹ năng vào công việc.

Nội dung chương trình ĐTGVMN ở trường CĐ sư phạm:

Kiến thức GD đại cương: Lí luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Khoa học xã hội (tiếng Việt thực hành, phương pháp nghiên cứu khoa học GD...); Ngoại ngữ; Toán - Tin - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường; GD thể chất; GD quốc phòng.

Kiến thức GD chuyên nghiệp: - Kiến thức nghiệp vụ chung cho khối ngành (Tâm lí học đại cương, GD học đại cương, Mĩ thuật, Âm nhạc...); - Kiến thức chung của ngành (trẻ em, gia đình và xã hội); GDMN và chương trình GDMN; quản lí GDMN.

Kiến thức chuyên ngành: SV tự chọn.

Thực hành thực tập sư phạm: Kiến tập sư phạm; thực hành sư phạm; thực tập sư phạm; thực tập tốt nghiệp.

Chương trình đảm bảo ĐTGVMN phù hợp với thực tiễn nhu cầu xã hội, đặc biệt là với các cơ sở GDMN; mang tính thực hành cao, khối lượng tri thức thực hành chiếm một thời lượng lớn trong khối lượng chương trình.

Hình thức tổ chức ĐTGVMN trong trường CĐ sư phạm: - Học trên lớp; - Tự học; - Thực hành, thực tế, thực tập sư phạm trong các cơ sở GDMN; - Nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp.

Phương pháp ĐTGVMN trong trường CĐ sư phạm: - Kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; - Làm việc theo nhóm; - E-learning.

Phương tiện ĐTGVMN trường CĐ sư phạm bao gồm các điều kiện đảm bảo cho ĐTGVMN như: các phòng học đa năng, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ ĐT trong nhà trường, các thiết bị và phương tiện dạy học, hệ thống các trường MN thực hành ở các quận, huyện trong thành phố.

Lực lượng ĐTGVMN (người dạy) trong trường CĐ sư phạm bao gồm:

- Các giảng viên được ĐT chuẩn để làm giảng viên ĐT chuyên ngành GDMN qua các trình độ, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Đội ngũ giảng viên đáp ứng chuẩn giảng viên của các trường đại học, CĐ, theo đúng luật GD: có phẩm chất đạo đức tiêu chuẩn tốt; đạt trình độ chuẩn được ĐT về chuyên môn nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu người Việt và lí lịch bản thân rõ ràng. Có những hiểu biết sâu sắc về GVMN và trẻ MN.

- Đội ngũ tham gia ĐTGVMN còn bao gồm các GVMN có kinh nghiệm cao trong chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các trường MN. Đội ngũ GV này tham gia vào quá trình ĐTGVMN với tư cách là người hướng dẫn thực hành thực tế, thực tập của SV khoa GDMN khi xuống thực tập tại các trường MN.

Đối tượng ĐTGVMN trong các trường CD sư phạm là các học sinh đã tốt nghiệp THPT; vượt qua kì thi tuyển năng khiếu dành cho khối ĐTGVMN (hát, múa, hội họa...).

Bộ máy tổ chức, quản lý ĐTGVMN trong các trường CD sư phạm bao gồm: Đảng ủy và ban giám hiệu; các phòng ban chức năng trong nhà trường (trực tiếp là phòng quản lý ĐT); các khoa và trung tâm trong trường CD sư phạm (trực tiếp là khoa GDMN).

2. Nội dung nghiên cứu

Năm học 2016-2017, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng ĐTGVMN ở 3 trường: Trường CĐSPTW Hà Nội; Trường CĐSPTW Nha Trang; Trường CĐSPTW TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu khách thể khảo sát bao gồm 825 cán bộ quản lý và GV được phân bổ như sau (bảng 1):

Bảng 1. Mẫu khách thể khảo sát

| TT | Đối tượng khảo sát | Số lượng | % |
|-------------------|--|------------|--------------|
| 1 | Cán bộ quản lý và chuyên viên vụ, phòng GDMN thuộc Bộ và sở GD-ĐT | 26 | 3,15 |
| 2 | Lãnh đạo nhà trường, phòng ban, khoa của các trường CĐSPTW; lãnh đạo các trường MN | 102 | 12,36 |
| 3 | Giảng viên của các trường CĐSPTW | 422 | 51,15 |
| 4 | SV đã tốt nghiệp đang làm việc tại các trường MN | 275 | 33,33 |
| Tổng chung | | 825 | 100,0 |

Giữa các thành tố của quá trình ĐTGVMN có quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau. Vì vậy, trong quản lý quá trình ĐT cần chú ý để tạo ra sự đồng bộ, từ đó nâng cao chất lượng ĐTGVMN trong nhà trường.

Kết quả khảo sát như sau:

2.1. Thực trạng mức độ đạt được của mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non

Bảng 2. Mức độ đạt được mục tiêu ĐTGVMN

| TT | Nội dung | Mức độ đạt được | | | | | | | | X̄ | Thứ bậc |
|-------------------|--|-----------------|--------------|-----|--------------|------------|--------------|----------|-------------|-------------|---------|
| | | Tốt | | Khá | | Trung bình | | Chưa tốt | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| 1 | Hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp (yêu nghề, tận tụy với công việc, có văn hóa giao tiếp...) | 243 | 44,18 | 179 | 32,55 | 93 | 16,91 | 35 | 6,36 | 3,15 | 1 |
| 2 | Cung cấp kiến thức GD đại cương, khoa học GDMN. Hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình... GDMN | 95 | 17,3 | 340 | 61,8 | 75 | 13,6 | 40 | 7,3 | 2,89 | 2 |
| 3 | Hình thành được kỹ năng giao tiếp với trẻ, tìm hiểu đánh giá mức độ phát triển của trẻ, lập kế hoạch GD trẻ em... | 45 | 8,18 | 355 | 64,5 | 125 | 22,7 | 25 | 4,5 | 2,76 | 3 |
| 4 | Hình thành thái độ: tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, thái độ tốt với trẻ và nghề; ý thức vận dụng sáng tạo kiến thức và kỹ năng vào công việc | 30 | 5,45 | 310 | 56,4 | 160 | 29,1 | 50 | 9,1 | 2,58 | 4 |
| Trung bình | | | 18,78 | | 53,81 | | 20,58 | | 6,82 | 2,85 | |

Như vậy, cán bộ quản lí, giảng viên và GV tham gia khảo sát đánh giá mức độ đạt được của mục tiêu

2.2. Thực trạng mức độ thực hiện nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non

Bảng 3. Mức độ thực hiện nội dung chương trình ĐTGVMN

| TT | Nội dung | Mức độ | | | | | | | | \bar{X} | Thứ bậc |
|----|---|--------|--------------|-----|--------------|------------|--------------|----------|-------------|-------------|---------|
| | | Tốt | | Khá | | Trung bình | | Chưa tốt | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| 1 | Kiến thức GD đại cương (lí luận chính trị, khoa học xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học, GD quốc phòng...) | 75 | 13,6 | 330 | 60 | 120 | 21,8 | 25 | 4,5 | 2,83 | 2 |
| 2 | Kiến thức GD chuyên nghiệp (kiến thức nghiệp vụ chung cho khối ngành và ngành) | 55 | 10 | 315 | 57,3 | 140 | 25,5 | 40 | 7,3 | 2,7 | 3 |
| 3 | Kiến thức chuyên ngành | 70 | 12,7 | 395 | 71,8 | 70 | 12,7 | 15 | 2,7 | 2,95 | 1 |
| 4 | Thực hành thực tập sư phạm | 45 | 8,2 | 310 | 56,4 | 150 | 27,3 | 45 | 8,2 | 2,65 | 4 |
| | Trung bình | | 11,13 | | 61,38 | | 21,83 | | 5,68 | 2,78 | |

ĐTGVMN ở mức độ *khá cao*, thể hiện điểm trung bình chung $\bar{X} = 2,85$ (min = 1, max = 4).

Mục tiêu ĐTGVMN trong các trường CĐ sư phạm có các mức độ đạt được khác nhau. Cao nhất là “*Hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp (yêu nghề, tận tụy với công việc, có văn hóa giao tiếp...)*” với $\bar{X} = 3,15$, xếp bậc 1/4. Thứ hai “*Cung cấp kiến thức GD đại cương, khoa học GDMN. Hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình... GDMN*” với $\bar{X} = 2,89$, xếp bậc 2/4. Thấp hơn “*Hình thành thái độ: tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, thái độ tốt với trẻ và nghề; ý thức vận dụng sáng tạo kiến thức và kỹ năng vào công việc*”, với \bar{X} xếp bậc 4/4...

Kết quả khảo sát ở trên thống nhất với đánh giá của bà N.T.K (cán bộ Trường CĐSPTW): *Hiện nay, vấn đề rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV trong nhà trường để ra hành nghề trong các trường MN cần được chú trọng hơn. Điều này không chỉ được thể hiện trong nội dung chương trình mà phải được thể hiện ngay trong tổ chức chỉ đạo vì mục đích cao nhất cần có là SV sau khi ra trường có các kỹ năng cứng và mềm thiết yếu để làm việc với trẻ em trong các trường MN.*

Như vậy, mức độ thực hiện nội dung chương trình ĐTGVMN trong các trường CĐSPTW được đánh giá thực hiện ở mức độ *khá* với \bar{X} (min = 1, max = 4).

Thứ bậc thực hiện nội dung chương trình ĐTGVMN được đánh giá như sau: Kiến thức chuyên ngành, kiến thức GD đại cương (lí luận chính trị, khoa học xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học, GD quốc phòng...) ($\bar{X} = 2,83$); kiến thức GD chuyên nghiệp (kiến thức nghiệp vụ chung cho khối ngành và ngành) ($\bar{X} = 2,7$); thực hành thực tập sư phạm ($\bar{X} = 2,65$).

Kết quả khảo sát ở trên cũng thống nhất với đánh giá của ông T.Q.H (Trường CĐSPTW TP. Hồ Chí Minh): *Hiện nay, mặc dù đã chú ý đến thực tế, thực hành và thực tập sư phạm trong ĐTGVMN nhưng thực tế vẫn còn nặng về cung cấp tri thức. Tỷ lệ thực hành thực tế nhiều sẽ giúp cho SV GDMN vừa có tri thức, vừa hình thành được thái độ, kỹ năng làm việc với các hình thức chăm sóc GD trẻ trong các trường MN.*

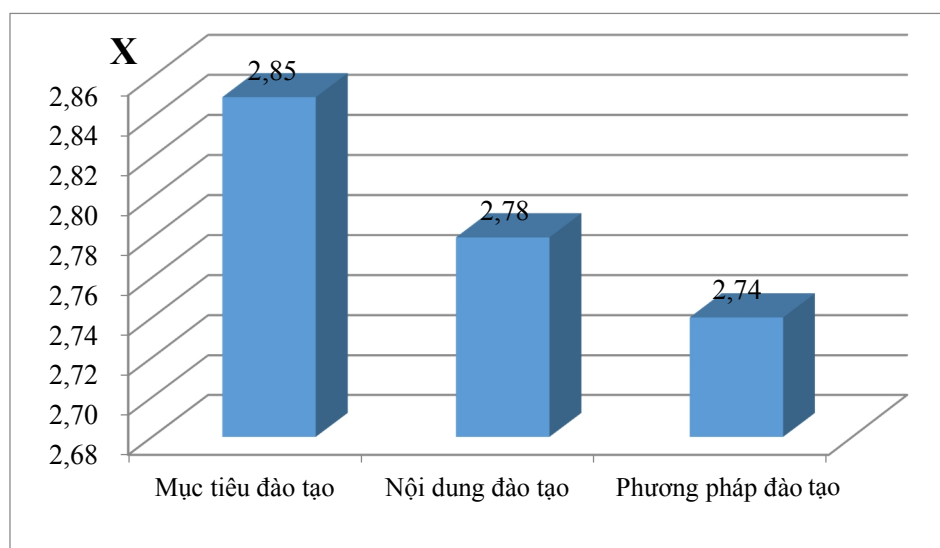
2.3. Thực trạng mức độ thực hiện hình thức đào tạo và phương pháp đào tạo giáo viên mầm non

Bảng 4. Mức độ thực hiện hình thức ĐT và phương pháp ĐTGVMN

| TT | Nội dung | Mức độ | | | | | | | | \bar{X} | Thứ bậc |
|-----------------------------|--|--------|--------------|-----|--------------|------------|--------------|----------|-------------|-------------|---------|
| | | Tốt | | Khá | | Trung bình | | Chưa tốt | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| Hình thức tổ chức ĐT | | | | | | | | | | | |
| 1 | Học trên lớp | 90 | 16,4 | 325 | 59,1 | 110 | 20 | 25 | 4,5 | 2,87 | 2 |
| 2 | Tự học | 35 | 6,4 | 290 | 52,7 | 160 | 29,1 | 65 | 12 | 2,54 | 6 |
| 3 | Thực hành, thực tế, thực tập sư phạm | 60 | 10,9 | 290 | 52,7 | 145 | 26,4 | 55 | 10 | 2,65 | 5 |
| 4 | Nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp | 80 | 14,5 | 315 | 57,3 | 120 | 21,8 | 35 | 6,4 | 2,8 | 4 |
| Phương pháp ĐT | | | | | | | | | | | |
| 5 | Kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn | 95 | 17,3 | 355 | 64,5 | 80 | 14,5 | 20 | 3,6 | 2,95 | 1 |
| 6 | Làm việc theo nhóm | 65 | 11,8 | 350 | 63,6 | 105 | 19,1 | 30 | 5,5 | 2,82 | 3 |
| 7 | E-learning | 15 | 2,7 | 315 | 57,3 | 160 | 29,1 | 60 | 11 | 2,52 | 7 |
| | | | 11,43 | | 58,17 | | 22,86 | | 7,53 | 2,74 | |

Có thể biểu diễn thực trạng mức độ thực hiện ĐTGVMN ở các trường CĐSPTW bằng biểu đồ sau:

Các hình thức tổ chức ĐT và phương pháp ĐT được đánh giá thực hiện là không đồng đều nhau. Các hình



Biểu đồ 1. Mức độ thực hiện ĐTGVMN ở các trường CĐSPTW

Nhận xét: Về mức độ thực hiện hình thức ĐT và phương pháp ĐTGVMN ở các trường CĐSPTW được cán bộ quản lý và GV tham gia khảo sát đánh giá ở mức độ khá tốt với $\bar{X} = 2,74$ (min = 1, max = 4).

thức và phương pháp ĐTGVMN được đánh giá thực hiện tốt hơn: “*Học trên lớp*” với $\bar{X} = 2,87$, xếp bậc 2/7; “*Kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn*” được đánh giá thực hiện tốt nhất với

$\bar{X} = 2,95$, xếp bậc 1/7; Hình thức và phương pháp ĐT “E-learning” và “Tự học” được đánh giá có mức độ thực hiện thấp hơn với $\bar{X} = 2,54$ và 2,52, xếp bậc 6,7/7...

2.4. Đề xuất một số biện pháp đào tạo giáo viên mầm non ở các trường cao đẳng sư phạm Trung ương

- Hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp của GVMN trong giai đoạn đổi mới GD hiện nay

Các trường CĐSPTW của cả nước đã có chuẩn đầu ra ĐTGVMN ở mỗi trường nhưng chưa hoàn toàn thống nhất với nhau; đổi mới GD và đổi mới GDMN đã yêu cầu chuẩn nghề nghiệp GVMN có sự thay đổi theo hướng bổ sung, hoàn thiện để định hướng cho ĐTGVMN ở các trường sư phạm nhằm: + Làm chuẩn đầu ra định hướng cho quá trình ĐTGVMN ở các trường CĐSPTW trong thời kì đổi mới GD; + Giúp SV GDMN tự rèn luyện trong quá trình học tập ở nhà trường sư phạm và ở các trường MN; + Để đánh giá GVMN theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BNV ngày 21/03/2006 của Bộ Nội vụ; + Tự bồi dưỡng GVMN và là cơ sở đề xuất chính sách cho GVMN.

- Phát triển chương trình ĐTGVMN theo hướng phát triển năng lực SV gắn với nhu cầu chăm sóc - GD trẻ của xã hội hiện nay

Chương trình ĐTGVMN bao gồm chương trình khung và chương trình chi tiết môn học là văn bản pháp quy về ĐT quy định tất cả các thành tố của hoạt động ĐT trong nhà trường và dẫn đến sản phẩm ĐT - SV GDMN ra trường như thế nào.

Đứng trước yêu cầu đổi mới GD nói chung, GDMN nói riêng, trước yêu cầu của xã hội về chất lượng chăm sóc GD trẻ em ở các trường MN hiện nay, đòi hỏi SV MN sau khi tốt nghiệp để trở thành GVMN công tác tại các trường MN phải được trang bị đầy đủ kiến thức và kĩ năng, có khả năng thích ứng cao với công việc. Vì vậy, mục đích của biện pháp là hoàn thiện, phát triển chương trình ĐTGVMN trong trường CĐSPTW theo hướng phát triển năng lực SV để đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN, đổi mới nhu cầu nhân lực GVMN ở các trường MN.

- Tổ chức bồi dưỡng năng lực quản lí ĐTGVMN cho đội ngũ quản lí của nhà trường

Chất lượng của hoạt động ĐTGVMN phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có một yếu tố quyết định là trình độ và năng lực quản lí của các nhà quản lí các cấp trong ĐT ở trường CĐSPTW. Nâng cao năng lực quản lí ĐT cho cán bộ quản lí là nâng cao chất lượng ĐTGVMN và chất lượng người GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới GD. Mục đích của biện pháp là nhằm tăng cường năng lực quản lí ĐT ở tất cả các khâu, giai đoạn,

nội dung quản lí ĐTGVMN làm cho quá trình ĐT mang tính chuyên nghiệp hơn, từ đó triển khai tốt và có hiệu quả ĐTGVMN trong trường CĐSPTW.

3. Kết luận

ĐTGVMN ở các trường CĐSPTW với trình độ CĐ có các đặc thù riêng về mục tiêu ĐT, nội dung chương trình ĐT, hình thức, phương pháp ĐT, lực lượng ĐT và đối tượng ĐT, tổ chức bộ máy ĐTGVMN. Đặc thù này quy định cách thức ĐT và quản lí ĐTGVMN trong nhà trường để tạo nên đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu của GDMN.

Kết quả khảo sát ý kiến của 825 cán bộ quản lí, GV và SV khoa GDMN đã tốt nghiệp ra trường thuộc 3 trường CĐSPTW (Hà Nội, Nha Trang và Thành phố Hồ Chí Minh) về các vấn đề ĐTGVMN, quản lí ĐTGVMN của nhà trường trong những năm qua, cho thấy: Việc thực hiện mục tiêu ĐT, nội dung chương trình ĐT, hình thức và phương pháp ĐTGVMN trong nhà trường được đánh giá thực hiện khá tốt (thứ bậc, mức độ thực hiện: 1 - Mức độ đáp ứng mục tiêu ĐT; 2 - Mức độ thực hiện nội dung ĐT; 3 - Mức độ thực hiện phương pháp và hình thức ĐT). Kết quả khảo sát về ĐTGVMN ở các trường CĐSPTW là căn cứ thực tiễn để đưa ra các biện pháp ĐT và quản lí ĐTGVMN trong nhà trường trong giai đoạn mới nhằm nâng cao chất lượng ĐTGVMN, đáp ứng nhu cầu của xã hội và yêu cầu đổi mới GDMN.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/01/2008 ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.*
- [2] Bộ GD-ĐT (2005). *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.*
- [3] Bộ GD-ĐT (2008). *Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 07/04/2008.*
- [4] Bộ GD-ĐT (2009). *Hội thảo về mô hình đào tạo giáo viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế.* Hà Nội.
- [5] Bộ GD-ĐT (2015). *Điều lệ trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15/01/2015.*
- [6] Trần Khánh Đức (1994). *Một số vấn đề về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trên thế giới.* Viện Khoa học Giáo dục.
- [7] Trinh Dân - Nguyễn Thị Hòa (1993). *Giáo dục học mầm non.* NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Phạm Thị Châu (chủ biên, 2002). *Một số vấn đề quản lí giáo dục mầm non.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.